

Số: 11496/KH-UBND

Đồng Nai, ngày 28 tháng 9 năm 2020

KẾ HOẠCH

Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020

Căn cứ Kế hoạch số 10429/KH-UBND ngày 02/12/2013 của UBND tỉnh về việc thực hiện Kế hoạch số 144-KH-TU ngày 13/8/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới”; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020, với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đánh giá toàn diện tình hình tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020; chỉ rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, tồn tại, nguyên nhân và những bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình triển khai thực hiện, trên cơ sở đó đề xuất kiến nghị các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện mục tiêu vì trẻ em cho giai đoạn tiếp theo.

2. Yêu cầu

a) Qua hội nghị tổng kết rà soát, bổ sung các giải pháp triển khai thực hiện đầy đủ các chính sách, pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em nói chung, công tác phòng ngừa, can thiệp, hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; từ đó rút ra bài học kinh nghiệm, đề xuất kiến nghị để tiếp tục thực hiện tốt công tác trẻ em trong thời gian tới.

b) Công tác tổ chức hội nghị tổng kết đảm bảo thực hiện đúng mục đích, nội dung, yêu cầu, thời gian của Kế hoạch đề ra.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nội dung tổng kết

a) Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020.

b) Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các quyết định, chương trình, kế hoạch: Kế hoạch số 5926/KH-UBND ngày 24/7/2013 của UBND tỉnh về việc hành động vì trẻ em Đồng Nai giai đoạn 2012 - 2020; Kế hoạch số 10429/KH-UBND ngày 02/12/2013 của UBND tỉnh về việc thực hiện Kế hoạch số 144-KH-TU ngày 13/8/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới”; Kế hoạch số 4856/KH-UBND ngày 13/6/2016 của UBND tỉnh về phòng, chống

tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của UBND tỉnh ban hành Chương trình bảo vệ trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch số 4140/KH-UBND ngày 19/5/2014 của UBND tỉnh về việc thực hiện chính sách hỗ trợ phẫu thuật tim cho trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh giai đoạn 2014 - 2020; Kế hoạch số 2735/KH-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2018 - 2020; Quyết định số 3684/QĐ-UBND ngày 03/11/2016 của UBND tỉnh ban hành Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch số 6685/KH-UBND ngày 02/8/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Quyết định số 1235/QĐ-TTg ngày 03/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình thúc đẩy quyền tham gia trẻ em vào các vấn đề về trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh Đồng Nai.

c) Biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công tác triển khai, thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em giai đoạn 2016 - 2020.

2. Thời gian, địa điểm thực hiện

a) Cấp huyện: Báo cáo tổng kết gửi UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) **trước ngày 30/10/2020**.

b) Cấp tỉnh: Dự kiến hoàn thiện báo cáo tổng kết **trước ngày 15/11/2020**.

c) Thời gian tổ chức hội nghị tổng kết: Dự kiến **tháng 12/2020** (tùy thuộc vào tình hình diễn biến dịch Covid-19).

3. Kinh phí thực hiện

Từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc trẻ em giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2020.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh báo cáo tổng kết công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020.

b) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh chương trình hội nghị, tổ chức hội nghị tổng kết và biểu dương khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công tác triển khai, thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em giai đoạn 2016 - 2020.

c) Phối hợp Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) hướng dẫn, phân bổ số lượng khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu đạt thành tích trong công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 và hoàn thiện hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét khen thưởng.

d) Chuẩn bị toàn bộ tài liệu, nội dung và kinh phí tổ chức Hội nghị.

2. Sở Nội vụ

Chỉ đạo Ban thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các thủ tục đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em giai đoạn 2016 - 2020; thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Sở Tài chính

Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định kinh phí thực hiện tổng kết của tỉnh.

4. Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh và các đơn vị liên quan

Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh và các đơn vị liên quan trên cơ sở Kế hoạch này, xây dựng báo cáo tổng kết theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị, theo nhiệm vụ đã được phân công tại các mục tiêu, chương trình trong các quyết định, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh (theo mẫu Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục V đính kèm):

a) Sở Tư pháp:

Báo cáo kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật liên quan đến công tác trẻ em. Việc đăng ký khai sinh, giải quyết các vấn đề về quốc tịch của trẻ em và thực hiện trợ giúp pháp lý cho trẻ em và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em theo quy định của pháp luật.

b) Công an tỉnh:

Báo cáo kết quả tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, điều tra và xử lý hành vi bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán trẻ em, tội phạm liên quan đến trẻ em và ngăn ngừa trẻ em vi phạm pháp luật. Công tác bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính đối với trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em là người bị hại và người làm chứng.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo:

Công tác tổ chức phổ biến, giáo dục kiến thức pháp luật về quyền và bổn phận của trẻ em cho học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, không có bạo lực; thực hiện tư vấn tâm lý và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; công tác phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác; chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác y tế trường học bảo đảm việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ em trong hệ thống giáo dục; tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật và áp dụng các biện pháp trợ giúp giáo dục phù hợp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em dân tộc thiểu số; giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật.

d) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Báo cáo kết quả tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cho trẻ em; hướng dẫn việc tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao cho trẻ em tại các thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của trẻ em. Kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm

trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch liên quan đến trẻ em thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

d) Sở Thông tin và Truyền thông:

Đánh giá kết quả công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đến các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh; tăng cường các hoạt động thanh kiểm tra trên lĩnh vực xuất bản, internet nhằm phát hiện và xử lý hành vi xuất bản, phát hành những thông tin có nội dung đồi trụy, kích động bạo lực không phù hợp với thuần phong mỹ tục.

e) Sở Y tế:

- Báo cáo kết quả thực hiện công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện chính sách khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em, chương trình phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em. Công tác theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em; thực hiện việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ em khuyết tật, trẻ em bị tai nạn thương tích và các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác.

- Công tác phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác y tế trường học bảo đảm việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ em trong các cơ sở giáo dục; phối hợp với ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, ngành Giáo dục và Đào tạo thực hiện phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em.

g) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Công tác phối hợp các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan vận động các nguồn vốn ODA, các nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO) và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện kế hoạch chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Tỉnh Đoàn; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Hội Nông dân tỉnh; Hội Cựu Chiến binh tỉnh

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, tham gia tổ chức triển khai các quyết định, chương trình, kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; phát hiện ngăn chặn, lên án các hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật, vi phạm quyền trẻ em. Báo cáo gửi về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) *trước ngày 30/10/2020*.

6. UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa

a) Xây dựng kế hoạch, báo cáo tổng kết từng nội dung theo nhiệm vụ đã được phân công tại các quyết định, chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh, báo cáo kết quả thực hiện theo mẫu Phụ lục III, Phụ lục VI, Phụ lục V đính kèm. Báo cáo gửi về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) *trước ngày 30/10/2020*; đồng thời hướng dẫn UBND cấp xã báo cáo tổng kết theo các nội dung nêu trên.

b) Căn cứ tình hình và điều kiện thực tế của địa phương, chỉ đạo thực hiện tổng kết và khen thưởng nhằm khích lệ, động viên những cá nhân, tập thể đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện chính sách bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em giai đoạn 2016 - 2020.

c) Thực hiện hồ sơ, thủ tục đề xuất khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện chính sách bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 theo hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trên đây là Kế hoạch tổng kết công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020. Đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan và UBND các huyện, thành phố Long Khánh và Biên Hòa triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc; các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Trẻ em;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh (VX);
- Các đơn vị tại Mục III;
- Ban Điều hành BVCSGDTE tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (VX);
- Lưu: VT, KGVX.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hòa Hiệp

Phụ lục I

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO (đối với các sở, ban, ngành)

Về việc thực hiện chính sách bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em

(Kèm theo Kế hoạch số 446/KH-UBND ngày 28/9 /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRONG VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC TRẺ EM

Đánh giá công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Chương trình, kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

II. ĐÁNH GIÁ VIỆC TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH VỀ BẢO VỆ, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ EM

1. Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội để nâng cao nhận thức và chuyển đổi hành vi thực hiện các quyền của trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em; công tác tổ chức phổ biến, giáo dục kiến thức về quyền và bổn phận của trẻ em cho học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

2. Công tác bảo vệ trẻ em: Công tác đăng ký khai sinh cho trẻ em; thực hiện trợ giúp pháp lý cho trẻ em và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em theo quy định của pháp luật; cấp thẻ BHYT. Công tác phòng ngừa, ngăn chặn, điều tra và xử lý hành vi bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán trẻ em và ngăn ngừa trẻ em vi phạm pháp luật. Công tác bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính đối với trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em là người bị hại và người làm chứng.

3. Công tác chăm sóc trẻ em: Công tác khám chữa bệnh; tiêm chủng mở rộng; trẻ em suy dinh dưỡng; khám lọc bệnh, phẫu thuật cho trẻ em. Công tác theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em; thực hiện việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ em khuyết tật, trẻ em bị tai nạn thương tích và công tác y tế trường học bảo đảm việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ em trong các cơ sở giáo dục.

4. Công tác giáo dục trẻ em: Tỷ lệ trẻ em đến các cấp học nhà trẻ, mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; công tác vận động trẻ em có nguy cơ bỏ học; cấp học bổng cho trẻ em đến trường.

5. Về tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí, tặng quà (ngày quốc tế thiếu nhi 1/6, hè, trung thu, tết Nguyên đán).

6. Về thực hiện các mô hình bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và quyền tham gia trẻ em: Xây dựng mô hình ngôi nhà an toàn - phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống xâm hại trẻ em (mô hình về các điểm cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; mô hình phòng ngừa trẻ em lao động sớm; HIV/AIDS; mô hình thực hiện quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề trẻ em; các mô hình khác về trẻ em của địa phương).

7. Kinh phí thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

**III. CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
CÔNG TÁC BẢO VỆ, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ EM**

IV. ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ

1. Thuận lợi.
2. Khó khăn, vướng mắc.
3. Kiến nghị.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025./.

Phụ lục II
Kết quả thực hiện các mục tiêu/chỉ tiêu về bảo vệ,
chăm sóc, giáo dục giai đoạn 2016 - 2020 (đối với các sở, ban, ngành)
(Kèm theo Kế hoạch số 1496/KH-UBND ngày 28/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Số liệu cơ bản về dân số trẻ em và tình hình trẻ em

STT	Nội dung	ĐVT	2016	2017	2018	2019	Ước 2020	Ghi chú (đơn vị báo cáo)
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người						Sở LĐTBXH
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/ tổng dân số	%						
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người						
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%						
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT/tổng số trẻ dưới 6 tuổi	%						Bảo hiểm xã hội
4	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Người						Sở LĐTBXH
4.1	Số trẻ em bị tai nạn thương tích	Người						Sở Y tế, Công an tỉnh
4.2	Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích	Người						
4.3	Số trẻ em tử vong do đuối nước	Người						
4.4	Số trẻ em tử vong do tai nạn giao thông	Người						
4.5	Số trẻ em/vụ bị xâm hại tình dục	Vụ/Người						Công an tỉnh
	Trong đó: đã điều tra, đề nghị khởi tố							
	Chưa xử lý							
	Số trẻ em bị xâm hại tình dục được trợ giúp pháp lý							Sở Tư pháp
4.6	Số trẻ em trong các hộ gia đình nghèo	Người						Sở LĐTBXH
5.7	Số trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS	Người						Sở Y tế
6	Chăm sóc trẻ em							
6.1	Tỷ lệ tử vong trẻ dưới 1 tuổi/1.000 trẻ sinh ra sống	‰						Sở Y tế
6.2	Tỷ lệ tử vong trẻ dưới 5 tuổi/1.000 trẻ sinh ra sống	‰						

6.3	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi							
	<i>Thể nhẹ cân</i>	%						
	<i>Thể thấp còi</i>	%						
7	Giáo dục trẻ em							Sở GDĐT
7.1	Tỷ lệ trẻ từ 3-5 tuổi đi mẫu giáo	%						
7.2	Tỷ lệ trẻ em nhập học tiểu học đúng độ tuổi	%						
7.3	Tỷ lệ trẻ em nhập học THCS đúng độ tuổi	%						

2. Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục xã hội

STT	Nội dung	ĐVT	2016	2017	2018	2019	Ước 2020	Ghi chú (Đơn vị báo cáo)
1	Tỷ lệ người dân được tuyên truyền trực tiếp về các chính sách, pháp luật về BVCSTE dưới các hình thức?	%						Sở TTTT; VHTTDL; Sở Tư pháp; Đài PTTH; Sở LĐTBXH
2	Số sản phẩm truyền thông về BVCSTE được sản xuất ở địa phương?							
	<i>Số sản phẩm</i>	Đầu sản phẩm						
	<i>Số lượng bản in</i>	Nghìn bản/SP						
3	Số chương trình phát thanh/truyền hình và chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/báo mạng							

	tuyên truyền về BVCSTE được sản xuất ở địa phương?							
	<i>Số chương trình/chuyên mục</i>	Đầu CT, CM						
	<i>Số lượng bản in phát hành</i>	Nghìn bản						

3. Nhân lực làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em các cấp

STT	Nội dung	ĐVT	2016	2017	2018	2019	Ước 2020	Ghi chú (đơn vị báo cáo)
1	Số cán bộ ở cấp tỉnh	Người						Sở LĐTBXH tổng hợp báo cáo
2	Số cán bộ ở cấp huyện							
	<i>Chuyên trách</i>							
	<i>Kiểm nhiệm</i>							
3	Số cán bộ ở cấp xã							Sở LĐTBXH tổng hợp báo cáo
	<i>Chuyên trách</i>							
	<i>Kiểm nhiệm</i>							
4	Cán bộ làm công tác trẻ em ấp, khu phố							

4. Nguồn lực, cơ sở vật chất dành cho công tác bảo vệ trẻ em

STT	Nội dung	ĐVT	2016	2017	2018	2019	Ước 2020	Ghi chú (đơn vị báo cáo)
1	Tổng ngân sách dành cho công tác	Ngàn đồng						Các sở, ban

	trẻ em							ngành
	<i>Ngân sách huyện</i>	Ngàn đồng						
	<i>Nguồn vận động</i>	Ngàn đồng						
2	Tổng số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em được công nhận	Xã						Sở LĐTBXH
	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em được công nhận/tổng số xã, phường, thị trấn	%						

5. Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em

STT		ĐVT	2016	2017	2018	2019	Ước 2020	Ghi chú (đơn vị báo cáo)
1	Số cơ sở trợ giúp trẻ em (gồm các cơ sở Bảo trợ xã hội, trung tâm trợ giúp pháp lý)	Cơ sở						Sở LĐTBXH; Sở Tư pháp
	<i>Công lập</i>							
	<i>Ngoài công lập</i>							
2	Số điểm tư vấn cộng đồng	Điểm						Sở GDĐT
3	Số điểm tư vấn trường học	Điểm						

Phụ lục III
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO (đối với cấp huyện)
Về việc thực hiện chính sách bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em
(Kèm theo Kế hoạch số 1446/KH-UBND ngày 28/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH, ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Tình hình kinh tế, xã hội tác động đến trẻ em và công tác trẻ em tại địa phương.
2. Những vấn đề trẻ em và công tác trẻ em phát sinh hoặc chưa được giải quyết.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC TRẺ EM

1. Việc ban hành các chương trình, kế hoạch, văn bản triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.
2. Việc thành lập, kiện toàn, công tác chỉ đạo điều hành của Ban điều hành bảo vệ, chăm sóc trẻ em các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ, CHĂM SÓC TRẺ EM

1. Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội để nâng cao nhận thức và chuyển đổi hành vi thực hiện các quyền của trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em; công tác tổ chức phổ biến, giáo dục kiến thức về quyền và bổn phận của trẻ em cho học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.
2. Công tác bảo vệ trẻ em: Công tác đăng ký khai sinh cho trẻ em; thực hiện trợ giúp pháp lý cho trẻ em và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em theo quy định của pháp luật; cấp thẻ BHYT. Công tác phòng ngừa, ngăn chặn, điều tra và xử lý hành vi bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán trẻ em và ngăn ngừa trẻ em vi phạm pháp luật. Công tác bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng, xử lý vi phạm hành chính đối với trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em là người bị hại và người làm chứng.
3. Công tác chăm sóc trẻ em: Công tác khám chữa bệnh; tiêm chủng mở rộng; trẻ em suy dinh dưỡng; khám lọc bệnh, phẫu thuật cho trẻ em. Công tác theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em; thực hiện việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ em khuyết tật, trẻ em bị tai nạn thương tích và công tác y tế trường học bảo đảm việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ em trong các cơ sở giáo dục.
4. Công tác giáo dục trẻ em: Tỷ lệ trẻ em đến các cấp học nhà trẻ, mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; công tác vận động trẻ em có nguy cơ bỏ học; cấp học bổng cho trẻ em đến trường.
5. Về tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí, tặng quà (ngày quốc tế thiếu nhi 1/6, hè, trung thu, tết Nguyên đán).

6. Về thực hiện các mô hình về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và quyền tham gia trẻ em: Xây dựng mô hình ngôi nhà an toàn - phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống xâm hại trẻ em (mô hình về các điểm cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; mô hình phòng ngừa trẻ em lao động sớm; HIV/AIDS; mô hình thực hiện quyền tham gia của trẻ em vào các vấn đề trẻ em; các mô hình khác về trẻ em của địa phương).

7. Công tác kiểm tra tình hình thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

IV. ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ

1. Thuận lợi.
2. Khó khăn, vướng mắc.
3. Kiến nghị:
 - a) Về sửa đổi, bổ sung chính sách (nếu có).
 - b) Về công tác quản lý điều hành.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025./.

Phụ lục VI
Kết quả thực hiện các mục tiêu/chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc,
giáo dục trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 (đối với cấp huyện)
(Kèm theo Kế hoạch số 1446/KH-UBND ngày 28/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Số liệu cơ bản về dân số trẻ em và tình hình trẻ em

STT	Nội dung	ĐVT	2016	2017	2018	2019	Ước 2020
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người					
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/ tổng dân số	%					
2	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người					
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%					
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT/tổng số trẻ dưới 6 tuổi	%					
4	Số người chưa thành niên từ 16 đến dưới 18 tuổi	Người					
	Tỷ lệ người chưa thành niên từ 16 đến dưới 18 tuổi/tổng dân số	%					
5	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Người					
5.1	Số trẻ em bị tai nạn thương tích	Người					
5.2	Số trẻ em bị xâm hại tình dục	Người					
	Trong đó: đã điều tra, đề nghị khởi tố						
	Chưa xử lý						
	Số trẻ em bị xâm hại tình dục được trợ giúp pháp lý						
5.3	Số trẻ em tử vong do tai nạn thương tích	Người					
5.4	Số trẻ em tử vong do đuối nước	Người					
5.5	Số trẻ em tử vong do tai nạn giao thông	Người					
5.6	Số trẻ em trong các hộ gia đình nghèo	Người					
5.7	Số trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS	Người					
6	Chăm sóc trẻ em						

6.1	Tỷ lệ tử vong trẻ dưới 1 tuổi/1.000 trẻ sinh ra sống	%o					
6.2	Tỷ lệ tử vong trẻ dưới 5 tuổi/1.000 trẻ sinh ra sống	%o					
6.3	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi						
	<i>Thể nhẹ cân</i>	%					
	<i>Thể thấp còi</i>	%					
7	Giáo dục trẻ em						
7.1	Tỷ lệ trẻ từ 3-5 tuổi đi mẫu giáo	%					
7.2	Tỷ lệ trẻ em nhập học tiểu học đúng độ tuổi	%					
7.3	Tỷ lệ trẻ em nhập học THCS đúng độ tuổi	%					

2. Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục xã hội

STT	Nội dung	ĐVT	2016	2017	2018	2019	Ước 2020
1	Tỷ lệ người dân được tuyên truyền trực tiếp về BVCSTE dưới các hình thức?	%					
2	Số sản phẩm truyền thông về BVCSTE được sản xuất ở địa phương?						
	<i>Số sản phẩm</i>	Đầu sản phẩm					
	<i>Số lượng bản in</i>	Nghìn bản/SP					
3	Số chương trình phát thanh/truyền hình và chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/báo mạng tuyên truyền về BVCSTE được sản xuất ở địa phương?						
	<i>Số chương trình/chuyên mục</i>	Đầu CT, CM					
	<i>Số lượng bản in phát hành</i>	Nghìn bản					

3. Nhân lực làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em các cấp

STT	Nội dung	ĐVT	2016	2017	2018	2019	Ước 2020
1	Số cán bộ ở cấp huyện						
	<i>Chuyên trách</i>						
	<i>Kiểm nhiệm</i>						
2	Số cán bộ ở cấp xã						
	<i>Chuyên trách</i>						
	<i>Kiểm nhiệm</i>						
4	Cán bộ làm công tác trẻ em ấp, khu phố						

4. Nguồn lực, cơ sở vật chất dành cho công tác bảo vệ trẻ em

STT	Nội dung	ĐVT	2016	2017	2018	2019	Ước 2020
1	Tổng ngân sách dành cho công tác trẻ em	Ngàn đồng					
	<i>Ngân sách huyện</i>	Ngàn đồng					
	<i>Nguồn vận động</i>	Ngàn đồng					
2	Tổng số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em được công nhận	Xã					
	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em được công nhận/tổng số xã, phường, thị trấn	%					

5. Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em

STT	Nội dung	ĐVT	2016	2017	2018	2019	Ước 2020
1	Số cơ sở trợ giúp trẻ em (gồm các cơ sở Bảo trợ xã hội)	Cơ sở					
	<i>Công lập</i>						
	<i>Ngoài công lập</i>						
2	Số điểm tư vấn cộng đồng	Điểm					
3	Số điểm tư vấn trường học	Điểm					

Phụ lục V

Số liệu thống kê các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em (theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị)
(Kèm theo Kế hoạch số 1446/KH-UBND ngày 28/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên văn bản (1)	Cơ quan ban hành (2)	Ngày ban hành (3)
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
....			

Ghi cụ thể tên, số văn bản, cơ quan ban hành, ngày ban hành văn bản./.

UBND